

VỀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ XÃ HỘI CỦA NHO GIÁO

CUNG THỊ NGỌC (*)

Tóm tắt: Tư tưởng về phương pháp quản lý xã hội đóng vai trò nền tảng trong học thuyết của Khổng Tử. Coi "đức trị" là phương pháp quản lý xã hội, ông chủ trương xây dựng một xã hội có đạo với những chuẩn mực cụ thể và được bắt đầu từ gia đình. Về phương thức tổ chức bộ máy nhà nước, Khổng Tử chủ trương trọng dụng những người có đức, có tài. Đối với người cầm quyền, ngoài những phẩm chất "có đức, có tài", còn phải biết nêu gương. Có thể nói, trong quan niệm về quản lý xã hội của Nho giáo, bên cạnh những hạn chế, còn ẩn chứa nhiều vấn đề hợp lý và có tính thời sự đối với thời đại ngày nay.

Khổng Tử (551 - 479 TCN) - người sáng lập ra học thuyết Nho giáo, là một nhân vật kiệt xuất trong số những vĩ nhân mà nhân loại đã sản sinh ra. Ông là nhà tư tưởng, nhà văn hoá, nhà giáo dục, nhà chính trị đã để dấu ấn đậm nét trong lịch sử của nhiều nước Á Đông suốt hai ngàn năm trăm năm qua. Dĩ nhiên, tư tưởng của ông có không ít những khiếm khuyết mà trước hết là do hạn chế của thời đại đưa lại. Nhưng quả thật, ông là một con người có nhiều đóng góp cho thời đại ông và cho nhân loại. Được mệnh danh là "tập đại thành" của tri thức cổ đại Trung Hoa, tư tưởng của Khổng Tử đã là một học thuyết tương đối hoàn chỉnh về nhiều mặt: chính trị, đạo đức, triết học, giáo dục... Trong số những tư tưởng ấy thì quan niệm của Khổng Tử về phương pháp quản lý xã hội là quan niệm nền tảng, cơ sở cho nhiều quan niệm khác. Góp phần làm sáng tỏ hơn quan niệm này để kế thừa những giá trị lâu đời trong việc xây dựng nền dân chủ mới là mục đích của bài viết này.

Trước hết, về *phương châm quản lý xã hội*. Khổng Tử đề cao việc thu phục nhân

tâm chứ không phải đề cao việc cai trị thông qua sự nô dịch thân xác bằng hình phạt. Vì vậy, Nho giáo đề cao "đức trị" và không đồng tình với chủ trương "pháp trị" của Pháp gia. Nho giáo cho rằng, trị nước bằng "đức trị" thì đã nắm được cái cốt lõi, cái sâu kín trong nhân tâm con người rồi, đó là sự "liêm sỉ" (sự hổ thẹn, tự vấn của lương tâm). Và điều đó giúp cho phương pháp này tự hiện hữu trong mọi suy nghĩ và hành vi của con người mà không cần bất cứ biện pháp "giám sát" nào. Khổng Tử nói: "Nếu nhà cầm quyền chuyên dùng pháp chế, cấm lệnh mà dắt dẫn dân chúng; chuyên dùng hình phạt mà trị dân, thì dân sợ mà chẳng phạm pháp đó thôi, chứ họ chẳng biết hổ ngươi. Vậy, muốn dẫn dắt dân chúng, nhà cầm quyền phải dùng đức hạnh; muốn trị dân, nhà cầm quyền phải dùng lễ - tiết, thì chẳng những dân biết hổ ngươi, họ lại còn cảm hoá mà trở nên tốt lành"(1) (*Luận ngữ*, thiên Vi Chính).

(*) Tiến sĩ triết học, Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) *Luận ngữ* (Đoàn Trung còn dịch và chú thích). Nxb Trí Đức, Sài Gòn, 1950, tr. 15.

Khẳng định tính chính nghĩa của đường lối "đức trị", Khổng Tử cho rằng, nhà cầm quyền mà theo đường lối "đức trị", lấy cái đức của mình mà cảm hoá mọi người thì cũng giống như sao Bắc đẩu tuy ở yên một chỗ mà mọi sao khác đều châu về.

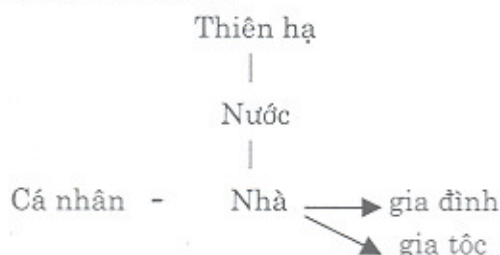
Như vậy, ý nghĩa của quan niệm này là ở chỗ: Nho giáo đã nhìn thấy mối quan hệ giữa nhận thức đạo đức và hành vi đạo đức cũng như vai trò sức mạnh của ý thức đạo đức cá nhân trong cộng đồng. Xã hội sẽ ổn định, thịnh trị khi nền "đức trị" được thực thi từ "thiên tử" đến "thứ dân". Để củng cố "đức trị", Khổng Tử yêu cầu phải "chính danh". Và "chính danh" là biện pháp thực thi đức trị trong tình hình mới. Đức trị nhưng không mâu thuẫn với hình phạt, không phủ nhận hình phạt mà thừa nhận hình phạt có điều kiện. Ông nói: "Danh bất chính, tắc ngôn bất thuận; ngôn bất thuận, tắc sự bất thành; sự bất thành, tắc lễ nhạc bất hưng; lễ nhạc bất hưng, tắc hình phạt bất trừng; hình phạt bất trừng, tắc dân vô sở thố thủ túc"(2). Ở đây, điều kiện của đức trị là hình phạt phải đúng. Cụ thể, ông chủ trương "khoan khắc đặc chúng" (khoan dung thì được lòng người); đồng thời, kêu gọi nhà cầm quyền phải nghiêm khắc với dân, tránh để cho dân nhờn. Khoan dung và nghiêm khắc được ông coi như những biện pháp bổ trợ lẫn nhau trong việc cai trị và làm cho nền chính trị được hài hoà.

Như vậy, trước đây có quan điểm cho rằng, Khổng giáo đã đề cao "đức trị" và cho đó là một quan điểm phiến diện, thiếu thực tế trong một xã hội đầy biến động, vô đạo. Nhận định đó chưa hẳn đã hoàn toàn đúng. Khổng Tử cho rằng: "Đức trị" nhưng cần có sự bổ trợ của "pháp trị". Rõ ràng, tư

tưởng này của Khổng Tử cùng với đường lối "pháp trị" của Pháp gia được các triều đại phong kiến Trung Hoa sau này vận dụng trong thuật trị nước, như "Âm Pháp, Dương Nho", "Ngoại Nho, Nội Pháp"... và cho đến tận ngày nay, chúng ta vẫn còn thấy những ý nghĩa rất thời sự của chúng.

Tuy vậy, tư tưởng này của Nho giáo mang tính chất không tưởng. Bởi lẽ trong xã hội có bóc lột, áp bức giai cấp thì những lời tuyên bố của nền "đức trị", như "coi dân như con", "đối xử với dân như với bản thân mình", "lấy tâm của dân chúng làm tâm của người cầm quyền" thật là sáo rỗng và nguy hiểm. Thực tiễn lịch sử cho thấy, trong một số nền chuyên chế phong kiến trước đây, mặc dù đề cao "đức trị" song lại xử phạt tùy tiện, thiếu nghiêm minh. Giai cấp thống trị đều dựa vào quyền lực và xuất phát từ lợi ích giai cấp để xử lý mọi vấn đề chứ chẳng theo tôn chỉ của nền "đức trị".

Để tạo lập cơ sở cho phương châm "đức trị", Khổng Tử đề ra đường lối xây dựng và củng cố đạo đức từ gia đình cho tới ngoài xã hội. Bởi ông cho rằng, xã hội có đạo (có đạo đức) thì mới thi hành được "đức trị", còn xã hội vô đạo thì tất sẽ loạn và "đức trị" khó bề thực hiện. Mô hình xã hội theo quan niệm của Nho giáo có thể hình dung như sau:



Trong hệ thống tổ chức xã hội, theo

(2) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 198.

quan niệm của Nho giáo, "nhà" là trọng điểm và cũng là cơ sở của hệ thống *nhà - nước - thiên hạ*. Ở đây, "nhà" mang hai nghĩa: gia đình và gia tộc. Vì thế, *nhà* được nhìn nhận như một "xã hội" thu nhỏ, được coi như "môi trường" thử thách đầu tiên của mỗi cá nhân. Trong môi trường thu nhỏ này, Nho giáo đã đặt ra một loạt những chuẩn mực, những yêu cầu để bảo đảm nền "đức trị". Đó là, mỗi cá nhân phải đảm bảo *hiếu thảo* với cha mẹ, *hội đủ ngũ thường* (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), thực hiện *tam cương* (cha - con, chồng - vợ, anh - em). Vì thế, cá nhân trong quan niệm Nho giáo là cá nhân gắn liền với gia đình, gia tộc. Cá nhân nghĩa vụ chứ không phải cá nhân tự do.

Nhà là nơi mỗi cá nhân tự tu dưỡng theo những chuẩn mực bất buộc và cũng là cầu nối giữa cá nhân và cộng đồng lớn hơn. Vì thế, Nho giáo yêu cầu với bậc cai trị phải thực hiện cho được: Tu thân - Tề gia - Trị quốc - Bình Thiên hạ. Khổng Tử cho rằng, "Tề gia" cũng chính là "Trị quốc". Ông nói: "Duy kẻ nào có hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, mới thi hành việc chính trị từ nơi nhà mình. Đó cũng là làm việc chính trị rồi"(3).

Như vậy, Nho giáo đã đề ra phương pháp quản lý xã hội xuất phát từ mỗi tế bào, từ tổ chức nhỏ nhất của xã hội, đó là gia đình - gia tộc. Điều đó đã tạo ra một môi trường tu thân ổn định, bền vững cho mỗi cá nhân; đồng thời trong môi trường đó, cá nhân luôn ý thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, trước hết là đối với bản thân, gia đình, gia tộc và cao hơn nữa là với cộng đồng. Sự gắn kết bền vững giữa cá nhân và gia đình - gia tộc đã tạo nên sức bền vững bên trong, sự ổn định từ

cơ sở cho những triều đại tôn sùng tư tưởng trị nước của Nho giáo. Tuy nhiên, đóng góp này của Nho giáo cũng có mặt khiếm khuyết. Xã hội, theo quan niệm của Nho giáo, là một tổ hợp nhiều dòng họ. Vì thế, tư tưởng gia trưởng, chủ nghĩa gia đình trị ngày càng phát triển trong xã hội phong kiến và nó còn để nhiều di hại cho đến tận hôm nay.

Để thực hiện phương châm "đức trị" về phương thức tổ chức bộ máy cai trị, Nho giáo chủ trương phải thu nạp được những người có đức, có tài. Thiên "Tử Lộ" có ghi lại rằng, khi Trọng Cung làm quan tế tướng cho họ Quý hỏi về cách cai trị, Khổng Tử trả lời rằng: "Nhà cầm quyền nên thi hành ba việc này: *Một là*, trước hết nên phân phát công việc cho các vị hữu tư, tức là những quan chức phụ thuộc với mình, họ làm xong thì mình xem xét lại; *Hai là*, những ai phạm lỗi nhỏ thì dung thứ cho họ; *Ba là*, cử dùng những người hiền - đức và tài cán"(4). Như vậy, biết sắp đặt công việc, dung thứ và cử dùng tài là những phẩm chất cốt lõi của bậc trị nước, trong đó cất cử người hiền tài là gốc của mọi vấn đề. Vì vậy, Trọng Cung lại hỏi tiếp: "Làm sao biết được những người hiền đức và tài cán mà cử dùng". Khổng Tử đáp: "Những người mà người biết, hãy cứ dùng trước đi. Còn những người mà người không biết, người ta há bỏ mà chẳng chỉ cho sao"(5). Theo ông, nếu nhà cầm quyền không biết cất cử người hiền tài thì đã không hoàn thành nhiệm vụ. Ông gọi đó là kẻ "thiệt vị" (ăn trộm chức vị). Ông phê

(3) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 27.

(4) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 197.

(5) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 197.

bình: "Tang Văn Trọng là kẻ ăn trộm chức vị chứ gì? Người ấy biết rõ ông Huệ xứ Liễu hạ là bậc hiền, thế mà chẳng tiến cử ông ấy đứng vào triều đình với mình"(6).

Hơn nữa, bậc cai trị ngoài việc cất nhắc những người có đức, có tài còn phải miễn chức, loại khỏi hàng ngũ những kẻ kém đức, hèn tài. Ông nói: "Như bậc quốc trưởng cứ dùng những bậc chính trực, bỏ phế những kẻ cong vạy, thì dân phục. Còn như cứ dùng những kẻ cong vạy, bỏ phế những kẻ chính trực, thì dân chẳng phục"(7).

Như vậy, biết cất cử hiền tài vào bộ máy cai trị thì chẳng những nền "đức trị" của xã hội được ổn định, mở mang mà ngay cả bộ máy trị vì xã hội cũng ngày càng vững mạnh. Vì thế, các triều đại phong kiến của nhiều nước Á Đông rất chú trọng việc này. Họ lập ra chế độ thi cử rất chặt chẽ để tuyển lựa những người có đức có tài, làm cho mạnh bộ máy cai trị mạnh lên. Và đây cũng được coi là một trong những sáng tạo của dân tộc Trung Hoa đã cống hiến cho nhân loại.

Về phẩm chất của người cai trị: Trong yêu cầu *hiền tài*, Khổng Tử bao giờ cũng đặt *hiền* trước *tài*. Ông cho rằng, hiền là gốc của tài, nếu có tài trí mà không có đức nhân thì tài cũng mất. Ông nói: "Mình có đủ trí - thức để hiểu đạo trị dân theo Thánh hiền, nhưng mình chẳng có đủ lòng nhân để giữ gìn, dẫu mình có được đạo ấy, rồi cũng mất đi"(8). Và đức nhân của nhà cầm quyền rất quan trọng đối với dân, thiết yếu hơn nước và lửa. "Đức nhân cần yếu cho dân còn hơn nước và lửa"(9). Vậy muốn trở nên nhà cai trị toàn thiện, mình nên có đủ những đức: trí, nhân, trang, lễ"(10) (Trí để hiểu đạo trị dân; nhân để

giữ gìn đạo ấy; dung mạo đoan trang để dân kính trọng; lễ tiết là chỗ dựa của việc trị vì). Bên cạnh đó, ông còn cho rằng, muốn dân phục tùng làm theo điều thiện, quy phục nhà cai trị thì trước hết, nhà cầm quyền phải biết nêu gương. Ông nói: "Nhà cầm quyền tự mình giữ theo chính đạo, chẳng đợi ra lệnh, dân cũng ăn ở đúng phép; còn như tự mình chẳng giữ theo chính đạo, dẫu mình có ra lệnh buộc dân theo, họ cũng không theo"(11).

Có thể thấy, Khổng Tử đã đặt ra được những vấn đề cơ bản về phẩm chất, yêu cầu đối với người quản lý xã hội. Điều mấu chốt là, Khổng Tử cho ta thấy rằng, đạo đức của nhà cai trị là đầu mối của mọi sự ổn định, trật tự trong xã hội. Mặc dầu quan điểm này của ông mang tính giai cấp và chưa chỉ ra được sự biến đổi của mọi trật tự xã hội là từ sự biến động những quan hệ lợi ích nhưng ông cũng đã nhìn thấy một cách đúng đắn vấn đề đạo đức của người cai trị và vai trò của nó đối với sự thịnh trị của một chế độ.

Mục đích cao nhất của nền "đức trị", theo Nho giáo, là "thế giới đại đồng". Tư tưởng về thế giới đại đồng đã có từ thời cổ đại trong xã hội chưa có giai cấp như thời Nghiêu, Thuấn nhưng nó được trình bày có hệ thống ở thiên Đại đồng trong sách *Lễ vận* với hơn 100 chữ. Chế độ xã hội lý tưởng đó được khắc hoạ như sau:

Một là, thiên hạ vi công (Thiên hạ là của chung);

(6) *Luận ngữ*. Sđd., tr.245.

(7) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 25.

(8) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 251.

(9) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 253.

(10) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 253.

(11) *Luận ngữ*. Sđd., tr. 201.

Hai là, tuyên hiền nhiệm năng (lựa chọn người hiền đức, tài năng để giao trách nhiệm);

Ba là, các tận kỳ năng (ai nấy dốc hết năng lực của mình);

Bốn là, các đắc kỳ sở (mỗi người, mỗi vật đều có được vị trí xứng đáng);

Năm là, giảng tín tu mục (trọng điều tín nghĩa và chăm lo sự hoà mục)...

Đây là xã hội lý tưởng, khát vọng chính trị của Nho giáo nhưng tiếc thay, nó chỉ là lý tưởng không hiện thực trong thời bấy giờ. Bởi trong xã hội có giai cấp và sự phân hoá giai cấp đang diễn ra mạnh mẽ thì không thể tránh khỏi sự xung đột, sự tranh giành lợi ích và sự nô dịch con người... Hạn chế của Khổng Tử và tư tưởng của ông, trước hết, là hạn chế do thời đại và do vị trí giai cấp đưa lại. Tất nhiên, trong một xã hội chứa chất đầy bất ổn thì lý tưởng chính trị của Khổng Tử rất đáng trân trọng.

Ngày nay, chúng ta tìm hiểu Nho giáo không phải chỉ để thấy được sự vĩ đại của vĩ nhân mà mục đích thiết thân hơn là để tiếp tục phát huy kinh nghiệm mà cha ông ta đã đối xử với Nho giáo trong việc giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, vận dụng những tư tưởng tích cực của Nho giáo trong công cuộc đổi mới. Trong việc kế thừa những tư tưởng Nho giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho chúng ta một bài học lớn. Người đã phê phán rất triệt để những tư tưởng lạc hậu, ấu trĩ của Nho giáo. Song, Người cũng rất tài tình, khoa học và cách mạng trong việc gạn lọc những hạt nhân hợp lý của nó.

Về quan niệm quản lý xã hội của Nho giáo, có thể nói rằng, bên cạnh những hạn chế, còn ẩn chứa nhiều vấn đề hợp lý và trong thời đại ngày nay vẫn còn giữ nguyên tính thời sự.

Thứ nhất, chủ thể quản lý xã hội sẽ tốt hơn, nếu mỗi người luôn tâm niệm "tu thân" trong hoàn cảnh mới. Cụ thể, luôn giữ vững những phẩm chất: Nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm với nội dung mới.

Thứ hai, gia đình sẽ yên ấm, hoà thuận, sẽ là "pháo đài" vững chắc trước mọi "làn gió" độc khi gia đình có kỷ cương, mọi người đều biết yêu thương, giúp đỡ, có trách nhiệm với nhau, biết nghĩa vụ và làm tròn bổn phận của mình với gia đình.

Thứ ba, ngày nay chúng ta đang quản lý đất nước bằng pháp luật thông qua bộ máy công quyền ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ hoàn chỉnh, tốt đẹp hơn nếu cùng với nó và bên cạnh nó chúng ta tiến hành xây dựng củng cố một nền đạo đức mới được chất lọc và phát triển những tinh hoa đạo đức của dân tộc, trong đó có những giá trị đạo đức được hun đúc, thẩm thấu giá trị quan của Nho giáo.

Bộ máy Nhà nước sẽ được hoàn thiện nhanh chóng hơn khi chúng ta biết mở mang việc học, công bằng chặt chẽ trong tuyển dụng và đặc biệt biết tiến cử người có đức, có tài; đồng thời, miễn chức, sa thải những kẻ tha hoá, biến chất.

Nền pháp trị của chúng ta ngày càng được củng cố nếu mọi sự trừng trị, hình phạt đều đúng người, đúng tội, và ngày càng thống nhất giữa tình và lý. □